

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



**LÝ QUANG HÀO**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG  
BẰNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Văn Duy**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn .....	4
7. Cơ cấu của luận văn .....	4
<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VÀ PHÁP LUẬT HOẠT ĐỘNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI HIỆN NAY .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng .....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng .....	5
1.1.2. Đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng .....	6
1.2. Khái niệm và đặc trưng, nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	7
1.2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.....	7
1.2.2. Đặc trưng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.....	8
1.2.3. Ý nghĩa của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	9
1.3. Khung pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	9
1.4. Các yếu tố tác động đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	11
1.4.1. Yếu tố pháp luật .....	11
1.4.2. Yếu tố thực hiện pháp luật .....	11
1.4.2.1. Về phía bên cho vay (ngân hàng).....	11
1.4.2.2. Về phía bên vay (khách hàng).....	12
Tiểu kết chương 1.....	13
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI HIỆN NAY .....</b>	<b>13</b>
2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	13
2.1.1. Quy định pháp luật về thẩm quyền của trọng tài giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.....	13
2.1.2. Đánh giá các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại .....	17
2.1.2.1. Những ưu điểm.....	17
2.1.2.2. Những tồn tại.....	17

2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.....	18
2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.....	18
2.2.2. Những vướng mắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại thông qua các trường hợp điển hình.....	20
2.2.3. Đánh giá về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay .....	21
Tiêu kết chương 2.....	22
<b>CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI HIỆN NAY .....</b>	<b>22</b>
3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay.....	22
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay.....	23
3.3. Giải pháp tăng cường thực thi pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay.....	25
Tiêu kết chương 3.....	26
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>27</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tranh chấp hợp đồng tín dụng là một trong những dạng tranh chấp phổ biến hiện nay được giải quyết tại cơ quan tài phán công và tài phán tư các cấp. Việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Trung tâm Trọng tài thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng thực chất là tranh chấp hợp đồng vay. Trong hợp đồng vay tín dụng, bên cho vay là ngân hàng có hoạt động thương mại nên tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài thương mại. Điều này đã được ghi trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010, theo đó, thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của trọng tài đó là các tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại. Đối với tranh chấp hợp đồng bảo đảm, thực tế cho thấy tranh chấp về biện pháp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng thường tập trung vào các biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận như bảo lãnh, cầm cố hay thế chấp. Ở tranh chấp này, bên nhận bảo đảm là ngân hàng và ngân hàng hoạt động thương mại nên tranh chấp hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài.

Trong thực tiễn, hợp đồng tín dụng có nhiều vấn đề phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, các tranh chấp về hợp đồng tín dụng diễn ra với tần suất ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp. Do đó, đòi hỏi những giải pháp triệt để mới phần nào hạn chế và thúc đẩy quá trình giải quyết tranh chấp kịp thời, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Đồng thời, đưa hoạt động tín dụng ngân hàng phát triển đúng hướng, lành mạnh, an toàn, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia. Trong thời gian gần đây, số lượng vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng được đưa ra giải quyết tại tòa án gia tăng và có chiều hướng ngày càng phức tạp, gây khó khăn cho việc giải quyết các tranh chấp này ở tòa án, đặc biệt kể từ 01/01/2012, thẩm quyền các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp HĐTD được giao cho tòa án nhân dân huyện giải quyết. Do đó, điều đó tác giả chọn đề tài: "*Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại*".

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

\* *Công trình luận văn, luận văn*: Nguyễn Văn Cường (2012), *Pháp luật về thi hành phán quyết của trọng tài thương mại ở Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Luật học tại Học viện Chính trị Quốc gia HCM đã phân tích và chỉ rõ những vấn đề có tính lý luận và trọng tài và việc thi hành phán quyết của trọng tài thương mại ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra các đặc trưng pháp lý của pháp luật thi hành phán quyết của trọng tài thương mại ở Việt Nam.

- Phan Thị Hương Thủy (2015) tại Luận án tiến sĩ Luật học Đại học Luật Hà Nội với đề tài *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*; nghiên cứu, đánh giá hệ thống pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực FDI bằng phương thức trọng tài theo quy định của pháp luật Việt Nam, có sự so sánh, đối chiếu với pháp luật một số nước trên thế giới, từ đó, đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực FDI bằng trọng tài ở nước ta.

Một số luận văn thạc sỹ đã nghiên cứu liên quan đến vấn đề trọng tài như: Luận văn Thạc sỹ *Tác động của những quy định mới trong Luật trọng tài thương mại tới hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài ở Việt Nam* của Nguyễn Thị Thanh Huyền năm 2015; Luận văn Thạc sỹ *Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài thương mại – Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của Đặng Thị Minh Ngọc năm 2014; Luận văn Thạc sỹ *Những nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại* của Nguyễn Thị Hiền năm 2013.....

\* *Đề tài Nghiên cứu khoa học*: Phan Chí Hiếu (2011), *Tranh chấp hợp đồng và các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp. Đề tài đã nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây.

- Phan Chí Hiếu (2011), *Tranh chấp hợp đồng và các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp. Đề tài đã nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây.

- Trần Thị Vân (2016), *Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án và việc phân biệt thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Trọng tài và Tòa án theo quy định của Luật Trọng tài thương mại và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Đề tài đã nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn của quy định pháp luật giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài thương mại, cơ chế Tòa án hiện nay.

Ngoài ra, còn có những bài viết đăng trên tạp chí nghiên cứu về Trọng tài dưới nhiều khía cạnh khác nhau như PGS.TS Phạm Hữu Nghị có bài *Về cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay* đăng trên báo Đời sống Pháp luật số ra ngày 23/8/2013; Trần Hữu Huỳnh có bài *Pháp luật trọng tài thương mại những thử thách phía trước* đăng trên báo Tiền Phong số ra ngày 20/7/2014; Trần An Khánh có bài viết *Bàn về điều kiện, tiêu chuẩn của Trọng tài viên* đăng trên Tạp chí Công thương tháng 6/2013.

\* *Một số kết luận rút ra từ việc tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận văn*:

Thứ nhất, chủ đề giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại sự quan tâm nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn của cá nhân các nhà khoa học cũng như các cơ quan nhà nước ở cả trong nước, nước ngoài.

Thứ hai, xuất phát từ nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, đối tượng nghiên cứu khác nhau nhằm mục đích nghiên cứu riêng, song, hầu hết các tác đều tập trung nghiên cứu về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại trên các góc độ chủ yếu, đó là: Bản chất, nội dung, nguyên tắc, cơ chế thực hiện, thủ tục thực hiện,... giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại trong quá trình sản xuất nói chung.

Thứ ba, muốn giảm thiểu rủi ro, an toàn pháp lý cho các bên tham gia quan hệ tranh chấp nhất thiết tăng cường cơ chế thực hiện việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại trong các doanh nghiệp; Đồng thời, phải xây dựng và triển khai hiệu quả các mô hình, phương thức, biện pháp cụ

thể để ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro, bảo đảm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại tránh được những phiền phức, bất an khi tiến hành giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại, trong đó có cần có những giải pháp đột phá thay đổi nhận thức, thể chế để rút ra những vướng mắc, hạn chế, bất cập từ thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại trọng tài. Từ đó đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài.

*\* Những khoảng trống về mặt lý luận và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài của luận văn*

Thứ nhất, nghiên cứu và làm sáng rõ bản chất về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại trong điều kiện đa hóa các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Thứ hai, phân tích sâu sắc để chỉ rõ hơn đặc điểm, vai trò giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại, nghiên cứu và làm sáng tỏ nguyên tắc, nội dung gắn với phương thức, mô hình cụ thể, các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.

Thứ ba, phân tích kiểm tra thực trạng quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài, phân tích để làm rõ các tình huống, tranh chấp từ thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Mục đích nghiên cứu đề tài là để hoàn thiện những quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng Trung tâm trọng tài thương mại.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích đặt ra, tác giả thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu những khái niệm cơ bản của giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại;
- Phân tích sở lý luận và thực tiễn của quy định pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay;
- Đánh giá thực trạng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại gắn với thực tiễn ở Trung tâm trọng tài thương mại và hệ thống pháp luật có liên quan của Việt Nam hiện nay.
- Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay, từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế trong các quy định pháp luật.
- Đưa ra phương hướng và một số đề xuất hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại và tăng cường thực hiện pháp luật bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay .

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu: Một số quan điểm, các quy định về pháp luật pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại

và các pháp luật có liên quan pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại và thực tiễn hiện nay .

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu về không gian: những quy định pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại, đồng thời đi sâu vào nghiên cứu quan điểm hệ thống pháp luật.

Phạm vi nghiên cứu thời gian: Từ năm 2014 đến 2018

Địa bàn nghiên cứu: Trên lãnh thổ Việt Nam.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận**

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở lý luận của về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về thể chế pháp luật kinh doanh và thương mại.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

- Luận văn góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại;

- Góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại trong gian đoạn tới;

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Cơ cấu của luận văn bao gồm: Phần mở đầu Phần nội dung gồm 03 chương:

*Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung và pháp luật hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay*

*Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay*

*Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay*



# CHƯƠNG 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VÀ PHÁP LUẬT HOẠT ĐỘNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI HIỆN NAY

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng

*HĐTD ngân hàng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa ngân hàng (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện do luật định (bên vay). Căn cứ vào hợp đồng, ngân hàng chuyển giao một số tiền cho bên vay sử dụng trong một thời hạn nhất định, với điều kiện hoàn trả cả gốc và lãi.*

*Về chủ thể, bên cho vay trong HĐTD luôn là TCTD. Bên vay là các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật và quy chế cho vay của TCTD.*

*Về hình thức, sự thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện luật định phải được thể hiện bằng hình thức pháp lý là văn bản. Việc tồn tại HĐTD bằng lời nói là không khả thi bởi tầm quan trọng của việc giao kết, thực hiện và giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD. Với HĐTD bằng văn bản, các bên có thể thực hiện hợp đồng trong sự đảm bảo an toàn pháp lý và khi có tranh chấp xảy ra, HĐTD sẽ là căn cứ xác thực nhất để các cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp.*

*Về nội dung, bên cho vay đồng ý cho bên vay được sử dụng một số tiền trong thời hạn nhất định, với điều kiện có hoàn trả cả gốc và lãi được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi rõ trong hợp đồng. Việc ký kết và thực hiện HĐTD ngân hàng giữa các bên phải dựa trên nguyên tắc: Tự nguyện, cùng có lợi, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, trực tiếp chịu trách nhiệm về tài sản và không trái với pháp luật.*

*Về đối tượng, đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng là tiền (bao gồm tiền mặt và bút tệ). Về nguyên tắc, đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng phải là một số tiền xác định và phải được các bên thỏa thuận, ghi rõ trong văn bản hợp đồng.*

*Về tính rủi ro: hợp đồng tín dụng vốn chứa đựng nguy cơ rủi ro rất lớn cho quyền lợi của bên cho vay. Sở dĩ như vậy là vì theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, bên cho vay chỉ có thể đòi tiền của bên vay sau một thời hạn nhất định. Nếu thời hạn cho vay càng dài thì nguy cơ rủi ro và bất trắc càng lớn. Vì thế mà các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cũng thường xảy ra với số lượng và tỷ lệ lớn hơn so với đa số các loại hợp đồng khác.*

*Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ: trong hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ chuyển giao tiền vay (nghĩa vụ giải ngân) của bên cho vay bao giờ cũng phải được thực hiện trước, làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay. Do đó, chỉ khi nào bên cho vay chứng minh được rằng họ đã chuyển giao tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng cho bên vay thì khi đó họ mới có quyền yêu cầu bên vay phải thực hiện các nghĩa vụ đối với mình (bao gồm các nghĩa vụ chính như sử dụng tiền vay đúng mục đích; nghĩa vụ hoàn trả tiền vay đúng hạn cả gốc và lãi...)*

### **1.1.2. Đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng**

Trong khoa học pháp lý, tranh chấp được hiểu là những mâu thuẫn, bất đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch. Trên cơ sở đó, có thể hiểu tranh chấp phát sinh từ HĐTD là tình trạng pháp lý trong quan hệ HĐTD, mà ở đó các bên thể hiện sự xung đột, hay bất đồng ý chí với nhau về những quyền và nghĩa vụ phát sinh từ HĐTD. Một HĐTD chỉ được coi là tranh chấp khi sự xung đột, bất đồng về phương diện quyền lợi giữa các bên đã được thể hiện ra bên ngoài (mặt khách quan) thông qua những bằng chứng cụ thể và có thể xác định được. Có thể hiểu khái quát: Tranh chấp HĐTD ngân hàng là những mâu thuẫn phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong HĐTD ngân hàng giữa bên cho vay (ngân hàng) và bên vay (khách hàng). Đó là những tranh chấp về lãi suất, nợ gốc, nợ lãi, việc giải ngân, xử lý tài sản đảm bảo...

Về bản chất, cũng như bất kỳ một tranh chấp thuộc lĩnh vực khác, tranh chấp HĐTD là sự phản ánh những mâu thuẫn, bất đồng của các chủ thể trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo HĐTD, hay nói cách khác, chỉ khi có sự vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng của một bên hoặc cả hai bên thì tranh chấp mới phát sinh. Ở đây, bên cạnh thuật ngữ “tranh chấp HĐTD” còn xuất hiện thuật ngữ “vi phạm HĐTD”. Hai thuật ngữ này có sự khác biệt về mặt nội dung nhưng lại có mối quan hệ thống nhất và phụ thuộc lẫn nhau. Khoản 14, Điều 4 về “Giải thích từ ngữ”, Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2010 quy định “Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”. Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác như tái chiết khấu, ứng trước, mua có bảo lưu quyền truy đòi (trừ các khoản mua có kỳ hạn) công cụ chuyển phát hành thẻ tín dụng, nhượng và giấy tờ có giá khác. Dưới đây gọi là tín dụng và hợp đồng tín dụng thay vì cấp tín dụng và hợp đồng cấp tín dụng không chính xác theo quy định của pháp luật hiện hành (vì trước đây gọi sai riêng hợp đồng cho vay là hợp đồng tín dụng, nên đã buộc phải gọi hợp đồng tín dụng nói chung là hợp đồng cấp tín dụng).

Như vậy, trong mối liên hệ giữa hành vi vi phạm hợp đồng với tranh chấp hợp đồng thì vi phạm HĐTD được coi là nguyên nhân dẫn đến tranh chấp HĐTD. Theo đó, tranh chấp HĐTD thường bao gồm ba yếu tố: (1) Có quan hệ HĐTD tồn tại giữa các bên tranh chấp; (2) Có sự vi phạm của một bên làm ảnh hưởng tới lợi ích của bên kia; (3) Có sự mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm, lợi ích giữa các bên về sự vi phạm hoặc xử lý hậu quả phát sinh từ sự vi phạm.

Nguyên nhân gây ra tranh chấp HĐTD rất đa dạng, song có thể khái quát với những nguyên nhân từ phía bên vay, bên cho vay và cả những hạn chế của quy định pháp luật.

Về nguyên nhân từ phía bên cho vay: Thông thường phía ngân hàng vi phạm nghĩa vụ giải ngân cho khách hàng như quy định trong hợp đồng. Các tổ chức tín dụng không tuân thủ chế độ tín dụng và điều kiện cho vay. Đôi khi ngân hàng cho vay mà không tiến hành quy trình thẩm định theo nguyên tắc phân tích tín dụng, điều mà các định chế tài chính quốc tế luôn cảnh báo là: Tính cách người vay, năng lực trả nợ, dòng tiền mặt, tài sản thế chấp, các điều kiện môi trường, sự kiểm soát mà ngân hàng lại dựa vào nhận định của các nhân viên của mình.

*Mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng còn hạn chế.* Trong thực tế bên ngân hàng không nắm rõ ràng các thông tin chính xác về khách hàng, không biết chính xác là khách hàng vay vốn và có sử dụng vốn vay đúng mục đích trong hợp đồng hay không. Một số nhân viên ngân hàng còn thiếu phẩm chất đạo đức cũng như thiếu năng lực nên trong việc cho vay có đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bằng tài sản thế chấp mà bên vay vẫn được giữ cả giấy tờ gốc chứng minh tài sản thế chấp của mình. Điều này dẫn đến có thể bên vay lại đem bán tài sản đã thế chấp ở ngân hàng cho người thứ ba. Lúc này ngân hàng và người thứ ba có sự tranh chấp về quyền tài sản – tài sản đã được thế chấp bằng danh nghĩa ở ngân hàng.

*Về nguyên nhân từ phía bên vay:*

*Nguyên nhân khách quan:* là những nguyên nhân tác động ngoài ý chí, tầm kiểm soát của khách hàng như: do sự thay đổi của chính sách quản lý kinh tế, do thiên tai, hoả hoạn, điều chỉnh quy hoạch, do thị trường biến động, quan hệ cung cầu hàng hoá thay đổi... làm cho hoạt động của bên vay không thực hiện như kế hoạch đề ra.

*Nguyên nhân chủ quan:* Cá nhân vay vốn không nắm được thông tin cần thiết về kế hoạch đầu tư, sản xuất khi vay vốn dẫn đến tình trạng vay vốn về đầu tư không có hiệu quả. Có thể là do vốn tự có tham gia sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không đáp ứng nhu cầu, năng lực điều hành còn hạn chế, thiếu thông tin thị trường và thông tin về các đối tác, bạn hàng làm ảnh hưởng tới quá trình sản xuất, công nghệ chưa được cải thiện nên sản phẩm tạo ra chưa có tính cạnh tranh cao, hiệu quả kinh doanh kém, hậu quả là doanh nghiệp thua lỗ lâm vào tình trạng phá sản. Cũng có trường hợp do bên vay cố tình đưa ra những thông tin sai sự thật ngay từ khi vay vốn nên khi về đầu tư hay sử dụng vào mục đích của mình không có hiệu quả.

Nguyên nhân nữa là do bên vay còn thiếu hiểu biết về pháp luật, trình độ hiểu biết của bên vay còn hạn chế về những kiến thức pháp luật liên quan. Có trường hợp bên vay ký hợp đồng trong khi bản thân không hiểu rõ về pháp luật nên khả năng xảy ra những bất lợi cho mình là rất lớn.

Nguyên nhân từ quy định của pháp luật: Một điều đáng lưu ý là sự hiểu biết về pháp luật của các bên trong hợp đồng còn chưa rõ ràng, mâu thuẫn với nhau về lợi ích giữa các bên dẫn đến nảy sinh tranh chấp. Pháp luật nước ta quy định bên cho vay bắt buộc phải đưa ra các căn cứ pháp lý hay những lý do chính đáng nếu muốn từ chối khách hàng, vấn đề này chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Nên bên cho vay cho rằng cho vay là quyền của mình còn bên đi vay thì có quan điểm ngược lại, điều đó dễ dẫn đến mâu thuẫn.

## **1.2. Khái niệm và đặc trưng, nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

### **1.2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

*Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại được hiểu là việc các chủ thể kinh doanh, các thương nhân (bao gồm các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh) lựa chọn các phương thức, loại hình thích hợp mà pháp luật có quy định để khắc phục, loại trừ các tranh chấp HĐTD đã phát sinh, giải tỏa các mâu thuẫn, xung đột, bất đồng của các bên có tranh chấp HĐTD, để*

đạt được kết quả mà các bên tranh chấp HĐTD có thể chấp nhận được và tự nguyện chấp hành.

### **1.2.2. Đặc trưng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trọng tài thương mại**

*Một là, Thẩm quyền trọng tài phát sinh khi có thỏa thuận trọng tài.*

Riêng với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì áp dụng đối với trường hợp các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đối với tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại hoặc ít nhất một bên có hoạt động thương mại và tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo quy định tại Điều 2 về “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của trọng tài”, Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Các bên có thể chỉ thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài mà không cần phải ghi chính xác tên của Trung tâm Trọng tài thương mại trên thực tế. Trường hợp các bên vừa có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, vừa có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Tòa án thì có quyền khởi kiện ra trước một trong hai bên Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 4, Điều 2 về “Xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Trọng tài, Tòa án theo quy định Luật Trọng tài thương mại”, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán, TANDTC “Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại”.

Nếu hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm của bên thứ ba, thì chỉ giải quyết được bằng Trọng tài khi tất cả các bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài<sup>1</sup>.

*Hai là, Trọng tài là tổ chức phi chính phủ*

Khác với Tòa án, trọng tài không phải một cơ quan hoạt động nhân danh nhà nước. Để đưa vụ án ra giải quyết bằng trọng tài thì các bên phải có thỏa thuận trọng tài trước hoặc sau thời điểm xảy ra tranh chấp. Thủ tục tổ tụng trọng tài sẽ phụ thuộc vào trung tâm trọng tài và quy tắc tổ tụng trọng tài mà ban lựa chọn trong thỏa thuận trọng tài. Trung tâm trọng tài là tổ chức phi chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng và Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, các quy định này phù hợp với quan niệm chung về “Tổ chức phi chính phủ”, các Trung tâm trọng tài hoạt động có thu phí chỉ nhằm mục đích bù đắp cho việc cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp của trọng tài, chính bản chất phi lợi nhuận này đã làm cho tính độc lập khách quan trong công tác xét xử của các Trung tâm trọng tài càng cao.

*Ba là, phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm*

Tính tài phán của trọng tài thể hiện ở chỗ quyết định do trọng tài ban hành có giá trị chung thẩm, bắt buộc các bên tranh chấp phải thi hành. Các trọng tài viên độc lập xét xử trên cơ sở quy định của pháp luật và có quyền ra quyết định cuối cùng ràng buộc đối với các bên tranh chấp, và các bên có nghĩa vụ thực hiện quyết định này. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành việc quy định như vậy cho phép khẳng định pháp luật Việt Nam về trọng tài không chấp nhận việc kháng cáo dù là một phần hay toàn bộ đối với phán quyết của trọng tài.

---

<sup>1</sup> Đặng Thị Bích Liễu (2018), Giải quyết tranh chấp kinh tế bằng con đường trọng tài, NXB Chính trị Quốc gia, tr.50

### **1.2.3. Ý nghĩa của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

*Thứ nhất*, phương thức này được sử dụng dựa trên sự thống nhất ý chí, sự tự do thỏa thuận của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng khi có phát sinh tranh chấp giữa chính các chủ thể đó, quy định như vậy là nhằm nâng cao và tôn trọng quyền tự do kinh doanh của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, quyền này được quy định trong đạo luật tối cao của Việt Nam, đó là Hiến pháp, đồng thời góp phần phát huy tính dân chủ, khách quan trong quá trình tố tụng trọng tài.

*Thứ hai*, sự xuất hiện và được công nhận phương thức này nhằm chia sẻ gánh nặng và giảm tải đáng kể trong hoạt động xét xử vụ án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án, giảm bớt áp lực cho các người tiến hành tố tụng tại Tòa án, tạo sự hài hòa cân đối vấn đề giải quyết tranh chấp trong đời sống kinh tế xã hội.

*Thứ ba*, trọng tài giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng luôn mang lại những lợi ích thiết thực cho các bên tranh chấp, tạo cơ hội cho các bên lựa chọn và chỉ định trọng tài viên mà họ tin nhiệm, điều này có ý nghĩa rất quan trọng để giúp các bên có được sự công bằng và thỏa mãn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

*Thứ tư*, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng một cách nhanh gọn cho các bên tranh chấp, hạn chế được sự tốn kém thời gian và tài chính là hai yếu tố vàng trong kinh doanh, từ đó góp phần phát triển kinh tế đất nước.

*Thứ năm*, phương thức này cũng là một trong những biện pháp mà Nhà nước sử dụng để nhằm bảo vệ sự an toàn trong các giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, góp phần quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng pháp luật.

*Thứ sáu*, việc giải quyết tốt các tranh chấp giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, bởi nó sẽ tháo bỏ các rào cản trong kinh doanh, thiết lập lại sự tin tưởng, tín nhiệm lẫn nhau cho các chủ thể tham gia hoạt động hợp đồng tín dụng.

*Thứ bảy*, thông qua việc áp dụng phương thức này trong thực tiễn kinh doanh sẽ chỉ ra được những bất cập trong việc quy định của pháp luật và tạo định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật, tạo hàng lang pháp lý cho hoạt động tín dụng ngày càng phát triển. Bởi lẽ, ưu điểm của giải quyết tranh chấp tín dụng bằng Trọng tài, theo đó, nhanh, kín và tiện lợi.

### **1.3. Khung pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

*Một là*, các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài: Tranh chấp có thể giải quyết bằng trọng tài là các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại, hoặc các tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên hoạt động thương mại, hoặc tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Nếu các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối giải quyết.

*Hai là*, điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Để có thể được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các bên phải có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Thỏa thuận này có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

*Ba là*, nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Trọng tài viên phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Tôn trọng thỏa thuận của các bên trừ phi thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

+ Độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.

+ Đảm bảo là các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

+ Phán quyết trọng tài là chung thẩm.

*Bốn là*, các yêu cầu đối với thỏa thuận trọng tài

Để có thể giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các thỏa thuận trọng tài giữa các bên phải đảm bảo các yêu cầu sau là được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc trong thỏa thuận riêng, được xác lập dưới dạng văn bản.

*Năm là*, thủ tục tổ tụng trọng tài và luật áp dụng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Thủ tục tổ tụng trọng tài do các bên thỏa thuận hoặc áp dụng theo quy tắc tổ tụng của trung tâm trọng tài.

Luật áp dụng đối với giải quyết tranh chấp bằng trọng tài: Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; nếu không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất. Trường hợp pháp luật Việt Nam, pháp luật do các bên lựa chọn không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng trọng tài được áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

*Sáu là*, phán quyết trọng tài trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Để có được phán quyết trọng tài thì Hội đồng trọng tài biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết không đạt được đa số thì Chủ tịch Hội đồng trọng tài quyết định. Phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm, có hiệu lực từ ngày ban hành và không bị kháng cáo.

*Bảy là*, hủy phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Phán quyết trọng tài có thể hủy khi có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của một bên hoặc khi thuộc trường hợp bị hủy phán quyết:

+ Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu;

+ Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật TTTM;

+ Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy;

+ Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài;

+ Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Bên yêu cầu hủy phán quyết có nghĩa vụ chứng minh, trừ trường hợp Tòa án có nghĩa vụ chứng minh.

## **1.4. Các yếu tố tác động đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

### **1.4.1. Yếu tố pháp luật**

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, trọng tài thương mại, với tư cách là một cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án, đã và đang góp phần không nhỏ vào sự ổn định của hoạt động thương mại trên thế giới. Ở nước ta, tiến trình hình thành và phát triển của trọng tài thương mại được thể hiện qua ba giai đoạn chủ yếu: giai đoạn sơ khai (trước năm 2003), giai đoạn chuyển tiếp (năm 2003 – 2010) và giai đoạn hội nhập (năm 2010 – nay)..

Bên cạnh việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh và khuyến khích sự phát triển của trọng tài thương mại, Nhà nước cũng cần có hành động cụ thể nhằm hỗ trợ cơ chế tài phán này. Tiêu biểu như ở Trung Quốc, các Ủy ban trọng tài được cung cấp trụ sở cùng phương tiện làm việc trong thời gian đầu trước khi tự hoạt động. Nhiều nước châu Á khác như Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Philippines cũng hỗ trợ hoạt động trọng tài khá hiệu quả. Ngoài ra, Nhà nước cũng có thể giúp các trung tâm trọng tài giảm nhẹ gánh nặng tài chính bằng cách miễn thuế cho họ. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, trọng tài cũng rất cần đến cơ chế phối hợp từ các cơ quan nhà nước, mà trực tiếp là hệ thống toà án, đặc biệt trong việc cưỡng chế thi hành phán quyết cũng như công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Mức độ hỗ trợ của Nhà nước đối với trọng tài là tác nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển của mô hình này. Vì vậy, ngoài việc xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp, cần có những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích và thúc đẩy quá trình hoạt động của trọng tài GQ TCHĐTD.

### **1.4.2. Yếu tố thực hiện pháp luật**

#### **1.4.2.1. Về phía bên cho vay (ngân hàng)**

Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho khách hàng như đã cam kết. Các tổ chức tín dụng không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ tín dụng và điều kiện cho vay. Nhiều tổ chức cho vay không tiến hành quy trình thẩm định theo nguyên tắc 6cs, điều mà định chế tài chính quốc tế luôn cảnh báo là: 6cs tính cách người vay (character), năng lực trả nợ (capacity), tiền mặt (cash), tài sản thế chấp (collateral), các điều kiện môi trường (conditions), sự kiểm soát (control), mà vẫn dựa vào cảm tính của nhân viên ngân hàng. Điều này tạo điều kiện cho tổ chức “tín dụng đen” ngày càng được tổ chức ở phạm vi rộng rãi hơn, quy mô hơn và nhiều người đã trở thành nạn nhân của các tổ chức này. Trên thực tế, bên cho vay khi tiến hành thẩm định cũng không thể kiểm tra được bên vay có thông qua một tổ chức tín dụng đen nào không.

Chính sách và quy trình cho vay chưa thực sự chặt chẽ, chưa có quy trình quản trị rủi ro hữu hiệu, chưa chú trọng đến phân tích khách hàng, xếp loại rủi ro tín dụng để tính toán điều kiện và khả năng trả nợ của khách hàng khi đáo hạn. Ở Việt Nam, các ngân hàng thường dựa chủ yếu vào giá trị tài sản bảo đảm để quyết định cho vay nên nhiều khi bỏ qua nhiều khách hàng tiềm năng.

#### 1.4.2.2. Về phía bên vay (khách hàng)

Bên vay không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ những nghĩa vụ của mình. Điều này có thể do nhiều yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

+ *Yếu tố chủ quan.* Là yếu tố xuất phát từ mỗi khách hàng, đó có thể xuất phát từ vốn tự có tham gia sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân không đáp ứng nhu cầu, năng lực điều hành còn hạn chế, thiếu thông tin thị trường và thông tin về các đối tác, bạn hàng làm ảnh hưởng tới quá trình sản xuất, công nghệ chưa được cải thiện nên sản phẩm tạo ra chưa có tính cạnh tranh cao, hiệu quả kinh doanh kém, hậu quả kinh doanh thua lỗ lâm vào tình trạng phá sản. Ngoài ra nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân cố tình đưa ra những thông tin sai sự thật ngay từ khi vay vốn.

Những tổ chức, cá nhân thiếu hiểu biết về pháp luật. Hiện nay, trình độ hiểu biết của khách hàng về những kiến thức pháp luật liên quan còn rất hạn chế. Đã có nhiều trường hợp khách hàng ký hợp đồng trái pháp luật, tự họ đặt bản thân họ vào tình trạng bất lợi và phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề. Trong thời gian tới, Nhà nước cần có nhiều kênh thông tin tạo cơ hội cho những tổ chức, cá nhân nói riêng tiếp cận và nắm vững được quy định của pháp luật, nhằm hạn chế những rủi ro đối với các bên.

+ *Yếu tố khách quan.* Là những yếu tố tác động ngoài ý chí của khách hàng như do thiên tai, hoả hoạn, do sự thay đổi của chính sách quản lý kinh tế, điều chỉnh quy hoạch, do biến động thị trường trong và ngoài nước, quan hệ cung cầu hàng hoá thay đổi... làm cho hoạt động của bên vay không tiến hành được như kế hoạch đã định.

+ *Yếu tố gây ra do quy định của pháp luật.* Nhiều quy định còn được hiểu chưa thống nhất, dẫn đến mỗi bên hiểu theo những cách khác nhau nhằm bảo vệ cho quyền và lợi ích của mình, từ đó nảy sinh những bất đồng mâu thuẫn và đi đến tranh chấp. Hiện nay, pháp luật quy định các bên cho vay nếu muốn từ chối khách hàng nào thì bắt buộc phải đưa ra các căn cứ hay những lý do chính đáng. Nhưng chưa có văn bản nào hướng dẫn về vấn đề này. Vì thế, phía người cho vay quan niệm rằng cho vay là quyền được tự do kinh doanh của họ vì vậy lý do có chính đáng hay không do họ quyết định. Còn người đi vay thì không đồng ý với cách hiểu đó và trong những trường hợp bị từ chối họ sẵn sàng khiếu nại tới các cơ quan có liên quan để yêu cầu giải quyết. Cả hai cách hiểu đó đều không thoả đáng. Để khắc phục tình trạng này, nhất thiết phải có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để các bên trong hợp đồng cũng như các nhà áp dụng pháp luật được thống nhất.



## **Tiểu kết chương 1**

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy rằng pháp luật quy định phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài đã từng bước phát triển và dần hoàn thiện hơn. TTTM là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD với nhiều ưu điểm vượt trội, từng bước thu hút sự quan tâm của các nhà kinh doanh trong nước lẫn quốc tế. Với việc trọng tài viên độc lập xét xử và quyền lực tài phán của trọng tài được pháp luật công nhận, làm cho phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài vừa mang dáng dấp của phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, vừa mang dáng dấp của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, với sự kết hợp này thì phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài trở nên hoàn chỉnh hơn vì đã hội đủ tất cả bản chất và nội dung của các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài đang từng bước phát huy vai trò của mình, có ý nghĩa là một phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán tư. Với những ưu điểm như thủ tục giải quyết dân chủ, đơn giản, linh hoạt, xét xử nhanh chóng, đảm bảo bí mật, phán quyết tin cậy... thực tiễn đã và đang chứng minh điều đó, trọng tài ngày càng phổ biến và trở thành phương thức giải quyết tranh chấp chủ yếu trong thương mại quốc tế, được các chuyên gia kinh tế đánh giá là phương thức giải quyết tranh chấp trong tương lai với nhiều ưu điểm nổi trội.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI HIỆN NAY**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

##### **2.1.1. Quy định pháp luật về thẩm quyền của trọng tài giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại**

Thẩm quyền của trọng tài chỉ phát sinh khi có TTTT và TTTT không thuộc trường hợp vô hiệu hoặc không thực hiện được. Các quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp là một phần hết sức quan trọng của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD của trọng tài, theo đó pháp luật quy định rằng tranh chấp chỉ được giải quyết bằng trọng tài, nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên tranh chấp có TTTT, khác với giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án – khi chủ thể trong quan hệ HĐTD nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết mà không cần phải có thỏa thuận trước, nếu tố tụng Tòa án được bắt đầu khi có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, thì tố tụng trọng tài chỉ bắt đầu khi có TTTT. Hình thức của TTTT là phải bằng văn bản, đây là quy định được pháp luật Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đều thống nhất thừa nhận và đây cũng là một trong những điều kiện có hiệu lực của TTTT.

Thỏa thuận trọng tài có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng, quy định về thời điểm xác lập TTTT như vậy là hết sức linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp trong việc xác lập TTTT, giúp tranh chấp tại Trọng tài được giải quyết hiệu

quả hơn. TTTT là hình thức pháp lý để phát sinh tô tụng trọng tài, nó có những đặc điểm sau:

Một là, tính tự nguyện: thỏa thuận là kết quả của sự đồng ý trước khi cân nhắc, thảo luận về một hay nhiều vấn đề, nó thể hiện ý chí của các bên cùng thống nhất vấn đề sau quá trình đàm phán, thảo luận, từ đó bản chất của nó là sự tự nguyện, vì nếu không tự nguyện thì không thể thống nhất ý chí để đưa ra một thỏa thuận.

Hai là, tính bắt buộc: vì là thỏa thuận được xây dựng trên sự tự nguyện của các bên tranh chấp, thỏa thuận là kết quả của quá trình đàm phán, thảo luận thì tất nhiên để đưa ra kết quả này thì các bên tranh chấp đã tìm hiểu về phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, cũng đã biết được ưu và nhược điểm của phương thức này so với các phương thức khác, hơn nữa là uy tín của các chủ thể kinh doanh trong hoạt động HĐTD thì việc quyết định chọn phương thức giải quyết tranh chấp cũng là một trong những quyết định trong HĐTD nên cần có sự bảo đảm tuyệt đối, cần có trách nhiệm với sự lựa chọn của mình, tạo niềm tin cho đối tác. Vì thế mà khi TTTT được tự nguyện xác lập thì bắt buộc các bên phải chịu sự ràng buộc của nó.

Ba là, tính độc lập: tính độc lập của TTTT được xét trong mối quan hệ với hợp đồng. Thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, điều này được hiểu là một TTTT tồn tại dưới dạng điều khoản trọng tài hay thỏa thuận riêng thì đều độc lập hoàn toàn với hợp đồng (bao gồm hợp đồng bằng văn bản và hợp đồng miệng), trước đây quy định về tính độc lập của TTTT tại PLTTTM thì: điều khoản trọng tài tồn tại độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, sự vô hiệu của hợp đồng không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của điều khoản trọng tài và Pháp lệnh cũng thừa nhận TTTT tồn tại dưới hai dạng là điều khoản trọng tài và thỏa thuận riêng, nhưng khi xét tính độc lập của TTTT thì chỉ quy định tính độc lập cho điều khoản trọng tài mà bỏ qua quy định cho thỏa thuận riêng, dẫn đến cách hiểu là vì thỏa thuận riêng là thỏa thuận ngoài hợp đồng nên độc lập với hợp đồng là đương nhiên, mặc khác điều luật chỉ đề cập đến các trường hợp hợp đồng bị thay đổi, gia hạn, hủy bỏ, vô hiệu, nếu trường hợp hợp đồng không thể thực hiện được thì tính độc lập của TTTT (cụ thể là điều khoản trọng tài) có còn giá trị không?

Ngoài ra thẩm quyền của trọng tài còn phụ thuộc vào việc lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp của các bên, việc chọn Trung tâm trọng tài giải quyết hay Hội đồng trọng tài giải quyết là ảnh hưởng rất lớn đối với tố tụng trọng tài. Theo quy định của pháp luật tố tụng trọng tài Việt Nam thì hiện nay có hai hình thức trọng tài:

Một là, trọng tài quy chế: là hình thức giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài theo quy định của LTTTM và quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài đó. Ở các nước trên thế giới, trọng tài quy chế thường được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng: Trung tâm trọng tài, các Hiệp hội trọng tài hay các Viện trọng tài, nhưng phổ biến nhất là các Trung tâm trọng tài.

Hai là, trọng tài vụ việc: là hình thức giải quyết tranh chấp theo quy định của LTTTM và trình tự, thủ tục do các bên thỏa thuận. Khác với hình thức trọng tài

quy chế, trọng tài vụ việc là hình thức trọng tài được lập ra theo yêu cầu của các bên để giải quyết tranh chấp giữa các bên và sẽ tự giải thể khi tranh chấp được giải quyết. Trọng tài vụ việc không có trụ sở, không có bộ máy điều hành, đặc biệt không có danh sách trọng tài viên mà trọng tài viên được các bên lựa chọn hoặc được chỉ định, trọng tài viên sẽ là những người thuộc bất cứ Trung tâm trọng tài nào mà các bên tự do lựa chọn. Và sự khác biệt rất lớn so với trọng tài quy chế là trọng tài vụ việc không có quy tắc tổ tụng riêng, mà quy tắc tổ tụng này do các bên tranh chấp thỏa thuận lựa chọn bất kỳ một quy tắc tổ tụng nào, thường là các quy tắc tổ tụng phổ biến của các Trung tâm trọng tài có uy tín trong nước hoặc ngoài nước. Với hình thức này thì quyền tự định đoạt của các bên là rất lớn, bởi trình tự, thủ tục hoàn toàn do các bên tự thỏa thuận và trọng tài viên phải tuân theo, các bên cũng có thể thỏa thuận bỏ qua một số thủ tục tổ tụng không cần thiết, cũng chính vì thế mà chi phí khi tiến hành trọng tài vụ việc cũng thấp và thời gian giải quyết nhanh, loại trừ hoàn toàn chi phí hành chính là khoản chi phí thường rất lớn.

### ***Điều kiện và thủ tục thụ lý***

#### ***Thứ nhất, về phương thức gửi và nhận đơn khởi kiện***

Trọng tài chỉ bắt đầu giai đoạn tổ tụng khi một trong các bên có TTTT gửi đơn khởi kiện đến trọng tài và trọng tài phải nhận được. Khoản 1 Điều 30 của LTTTM quy định nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện và gửi đến Trung tâm trọng tài (nếu chọn hình thức giải quyết tranh chấp là trọng tài quy chế), nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện và gửi cho bị đơn (nếu chọn hình thức giải quyết tranh chấp là trọng tài vụ việc), việc gửi đơn khởi kiện phải bảo đảm đơn được gửi đến nơi và phía người nhận phải nhận được. Nếu như tổ tụng Tòa án quy định rõ về phương thức gửi và nhận đơn khởi kiện để phục vụ cho việc tính thời hiệu khởi kiện được thuận lợi và chính xác, nhằm bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp của bên bị xâm phạm, thì tổ tụng trọng tài dường như không đề cao vấn đề này.

Việc xác định ngày gửi và nhận được đơn khởi kiện là bước đầu tiên trong việc xác định thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện và thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác với quy định này có thể thấy việc xác định thời điểm gửi và nhận đơn khởi kiện là hết sức quan trọng trong việc xác định thời hiệu khởi kiện, cũng vì thế mà tổ tụng Tòa án, cụ thể là BLTTDS đã có một điều khoản quy định về phương thức gửi đơn khởi kiện tại Tòa án (Điều 190).

#### ***Thứ hai, hình thức và nội dung đơn khởi kiện***

Nội dung đơn khởi kiện gửi đến trọng tài được xem là một trong những tài liệu được trọng tài chú ý nhất, bởi nó thể hiện toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, gồm các nội dung chính sau: Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; Tên, địa chỉ của các bên; tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có; Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp; Cơ sở và chứng cứ khởi kiện, nếu có; Các yêu cầu cụ thể của nguyên đơn và giá trị vụ tranh chấp; Tên, địa chỉ của người được nguyên đơn chọn làm trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định trọng tài viên.

#### ***Thứ ba, chủ thể khởi kiện***

Chủ thể khởi kiện trong tố tụng trọng tài bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức đáp ứng được những điều kiện do pháp luật quy định mà có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Theo đó thì tư cách khởi kiện của chủ thể khởi kiện là cá nhân được xác định bởi năng lực hành vi dân sự của cá nhân, cá nhân là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là chủ thể có tư cách khởi kiện, trường hợp người chưa thành niên, người bị mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hạn chế năng lực hành vi dân sự thì chủ thể có tư cách khởi kiện là người đại diện theo pháp luật của họ. Tư cách khởi kiện của chủ thể khởi kiện là cơ quan, tổ chức được xác định bởi năng lực pháp luật dân sự của cơ quan, tổ chức đáp ứng điều kiện là một pháp nhân theo quy định của BLDS, theo đó thì các pháp nhân là chủ thể có tư cách khởi kiện đối với các tranh chấp phát sinh từ hoạt động của pháp nhân kể từ khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì tư cách khởi kiện của pháp nhân phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký và tư cách này chấm dứt khi chấm dứt pháp nhân (pháp nhân giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản).

#### *Thứ tư, thời hiệu khởi kiện*

Về nguyên tắc, tố tụng trọng tài chỉ bắt đầu khi có đơn khởi kiện của nguyên đơn và đơn phải được gửi khi vụ tranh chấp còn thời hiệu khởi kiện. Để xác định thời hiệu khởi kiện vụ tranh chấp HĐTD thì trước hết cần phải xác định tranh chấp HĐTD đó phát sinh từ quan hệ nào, để từ đó xác định luật điều chỉnh quan hệ đó có quy định về thời hiệu khởi kiện hay không, điều này gây không ít khó khăn cho trọng tài, cũng như Tòa án khi áp dụng chế định thời hiệu khởi kiện trên thực tế. Hiện nay, thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp HĐTD tại trọng tài được xác định theo thứ tự sau: Luật chuyên ngành, LTM, LTTTM. Như vậy, luật chuyên ngành là luật ưu tiên để áp dụng xác định thời hiệu khởi kiện cho từng loại tranh chấp HĐTD (mua bán, vận chuyển, đầu tư...), trường hợp không có luật chuyên ngành hoặc luật chuyên ngành không có quy định về thời hiệu khởi kiện thì áp dụng quy định của LTM, Điều 319 của Luật này quy định thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp tranh chấp phát sinh từ hoạt động logistic thì thời hiệu khởi kiện là 09 tháng kể từ ngày giao hàng. Quy định về thời hiệu khởi kiện tại LTM và LTTTM đều giống nhau về thời hạn (02 năm) và mốc bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, điều này sẽ không gây nhầm lẫn hoặc vướng mắc khi áp dụng tính thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp HĐTD mà luật chuyên ngành không điều chỉnh hoặc không có luật chuyên ngành.

#### *Thứ năm, phí trọng tài*

Phí trọng tài bao gồm các loại phí sau: thù lao Trọng tài viên, chi phí đi lại và các chi phí khác cho Trọng tài viên; phí tham vấn chuyên gia và các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài; phí hành chính; phí chỉ định trọng tài viên vụ việc của Trung tâm trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp; phí sử dụng các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp bởi Trung tâm trọng tài. Từ những phân tích trên có thể thấy phí trọng tài là một trong những điều kiện để tố tụng trọng tài được tiếp tục, phí trọng tài là phí hợp lý phải trả bởi quá trình xem xét thụ

lý, đến khi giải quyết vụ tranh chấp của trọng tài là việc cung cấp dịch vụ, các bên tranh chấp sử dụng dịch vụ này thì đương nhiên phải trả tiền dịch vụ, là một nguyên tắc cơ bản trong HĐTM, mà quá trình tố tụng trọng tài cũng được xem như là một HĐTM giữa hai bên chủ thể là trọng tài và các bên tranh chấp, bởi trọng tài được xem là một cơ quan “tài phán tư”.

#### *Thứ sáu, tiến hành thụ lý*

Sau khi xem xét đơn khởi kiện và nguyên đơn đã đóng tạm ứng phí trọng tài thì trọng tài tiến hành thụ lý vụ tranh chấp. Nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và chứng từ nộp tạm ứng phí trọng tài, Trung tâm trọng tài phải gửi cho bị đơn bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn và những tài liệu theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 của LTTTM, với quy định này thời hạn thụ lý vụ tranh chấp nói chung, tranh chấp HĐTD nói riêng tại trọng tài là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, trong đó có chứng từ nộp tạm ứng phí trọng tài.

### **2.1.2. Đánh giá các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

#### **2.1.2.1. Những ưu điểm**

- Có nhiều quy định thủ tục tiện lợi, linh hoạt và nhanh chóng. Khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài các bên được tự do lựa chọn thủ tục tố tụng. Thủ tục tố tụng trọng tài cũng đơn giản hơn so với thủ tục tố tụng tại tòa án. Giải quyết bằng trọng tài, trong một số trường hợp, các bên có thể định ra cả nguyên tắc, trình tự, thủ tục trọng tài.

- Cơ chế đảm bảo việc ban hành phán quyết của trọng tài thường chính xác, khách quan và có độ tin cậy cao. Vì các bên được quyền tự chọn lựa trọng tài viên, nên các trọng tài viên thường là những chuyên gia giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực chuyên môn. Đồng thời, quyết định của trọng tài dường như không bị chi phối bởi yếu tố chính trị. Vì thế, nó sẽ mang tính khách quan hơn phán quyết của tòa án.

- Tạo được khuôn khổ pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài có khả năng giữ bí mật rất cao. Đối với các bên tham gia HĐTD việc giữ bí mật các vụ kiện là rất quan trọng. Bởi bí mật nghề nghiệp, uy tín trên thương trường có ý nghĩa sống còn đối với mỗi doanh nghiệp. Nếu những bí mật này bị tiết lộ, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh trong tương lai của họ. Vì thế, khi tranh chấp xảy ra, mặc nhiên những bí mật đó có thể bị tiết lộ, nhất là khi giải quyết tại tòa án bởi nguyên tắc xét xử tại tòa án là công khai. Khác với nguyên tắc xét xử công khai tại tòa án, trọng tài lại hoạt động theo nguyên tắc xét xử kín, các quyết định của trọng tài không được công khai, nếu không được sự đồng ý của các bên.

- Quy định rõ ràng hơn trước tại Pháp lệnh về quyết định của trọng tài có giá trị chung thẩm. Sau khi trọng tài đưa ra phán quyết thì phán quyết đó bắt buộc có hiệu lực thi hành với các bên, các bên không có quyền kháng cáo hay kháng nghị. Ưu điểm này xuất phát từ quyền định đoạt của các bên, từ việc tự do lựa chọn phương thức trọng tài đến lựa chọn trọng tài viên cũng như thủ tục tố tụng.

#### **2.1.2.2. Những tồn tại**

- Còn những cách hiểu khác nhau làm phát sinh vướng mắc khi áp dụng Luật TTTM về vai trò của Tòa án đối với trọng tài như: việc xem xét lại quyết định của Tòa án hủy hay không hủy phán quyết trọng tài theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài...

- Căn cứ hủy phán quyết trọng tài của Tòa án không rõ ràng khiến gây tâm lý lo ngại cho người dân và doanh nghiệp khi đưa ra quyết định lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài...

- Phạm vi tranh chấp không rõ ràng vẫn phân biệt giữa các tranh chấp kinh tế, thương mại với các tranh chấp dân sự hay tiêu dùng. Với định nghĩa mở và lỏng lẻo khiến cho các trung tâm trọng tài khác không đủ tự tin để thụ lý các tranh chấp ở phạm vi rộng hơn như là các tranh chấp về chứng khoán, tranh chấp giữa các cổ đông, liên danh hoặc thành viên công ty. Nếu sau này toà án không chấp nhận đây là các tranh chấp thương mại thì toà án có thể hủy phán quyết trọng tài. Điểm không rõ ràng này cũng có tác động đến việc công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài ở Việt Nam. Trong một vụ án liên quan đến sân gôn, toà án không công nhận việc duy tu thảm cỏ sân gôn là hành vi thương mại và do đó không chấp nhận thẩm quyền xét xử của trọng tài với vụ án này

- Hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài không rõ ràng. Mặc dù quy định phán quyết trọng tài là chung thẩm và mang tính ràng buộc, tuy nhiên có quy định về quyền yêu cầu toà án hủy phán quyết trọng tài. Trong thực tế, quy định này trong hầu hết các trường hợp giúp cho bên thua kiện, ít nhất là có cơ hội trì hoãn việc thi hành phán quyết trọng tài bằng việc khởi kiện về giá trị pháp lý của phán quyết đó. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, toà án có quyền xem xét rất nhiều lý do để hủy phán quyết trọng tài.

- Sự hỗ trợ của toà án trong việc thu thập chứng cứ và áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời là chưa hiệu quả. Thu thập chứng cứ và áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời là rất quan trọng trong hầu hết các trường hợp. Kiểm kê và niêm phong, cấm chuyển nhượng hoặc thay đổi tình trạng hiện tại của tài sản tranh chấp đối với nguyên đơn nhiều khi còn quan trọng và giá trị hơn cả phán quyết cuối cùng. Quy định thiếu chi tiết và rõ ràng về vấn đề này. Trọng tài viên khó có thể ra lệnh cho một bên thứ ba, đặc biệt là các cơ quan Nhà nước phải cung cấp chứng cứ cũng như không thể ra lệnh áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nghĩa vụ của toà án, trong thời hạn pháp luật quy định, là phải có hành động can thiệp thích hợp nhưng vấn đề này chưa được quy định thích đáng.

## **2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

### **2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại**

*Thứ nhất, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài mới chỉ dừng lại ở lý thuyết, khi áp dụng vào thực tế còn rất nhiều vướng mắc, nếu không nói là khó thực thi. Thế nên, đến thời điểm này, phần lớn các ngân hàng vẫn phải chọn kênh truyền thống là tòa án để giải quyết các sự vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

Việc giải quyết bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp hợp đồng tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp. Trong khi đó, ưu

thế của phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đó là nhanh, gọn và kín đáo...

Trong quá trình xử lý nợ ngân hàng này cũng muốn đưa giải pháp này vào các hợp đồng hợp đồng tín dụng như một công cụ hữu ích cho quá trình xử lý nợ phát sinh trong tương lai. Tuy nhiên, giải pháp trọng tài mới chỉ dừng lại ở lý thuyết, khi áp dụng vào thực tế còn rất nhiều vướng mắc, nếu không nói là khó thực thi. Thế nên, đến thời điểm này, phần lớn các ngân hàng vẫn phải chọn kênh truyền thống là tòa án để giải quyết các sự vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng.

*Thứ hai, nhiều ngân hàng cũng rất muốn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, tuy nhiên, thực trạng quy định luật pháp phải đưa điều khoản trọng tài vào ngay từ đầu khi ký hợp đồng hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm, đến khi có tranh chấp xảy ra, khi đó trọng tài mới có thể tham gia hòa giải.* Trong khi, hợp đồng hợp đồng tín dụng được bộ phận pháp chế của từng ngân hàng soạn thảo sẵn, đảm bảo đúng với quy trình NHNN. Hợp đồng tín dụng viên không thể tự ý đưa bất kỳ điều khoản nào vào khi lập hợp đồng hợp đồng tín dụng. Một yếu tố nữa là phí trọng tài cũng cao hơn so với tòa án nên việc lựa chọn giải pháp trọng tài cũng không thể do một hai người có thể quyết định.

*Thứ ba, thực tế, nhận thấy rằng việc giải quyết bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp hợp đồng tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp.* Trong khi đó, ưu thế của phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đó là nhanh, gọn và kín đáo. Điều này rất có ý nghĩa với hoạt động của ngân hàng, đáp ứng được tính bảo mật của khách hàng. Một đặc trưng nữa của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phán quyết trọng tài là chung thẩm. Trong khi nếu giải quyết tranh chấp tại tòa án, bản án sơ thẩm có thể bị phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm...Hiện nay, Luật Trọng tài quy định “Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của luật này, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài”.

*Thứ tư, thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp tín dụng bằng trọng tài thực chất là tranh chấp hợp đồng vay. Bên cạnh đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài.*

Trong hợp đồng vay tín dụng, bên cho vay là Ngân hàng có hoạt động thương mại nên tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài. Cụ thể, theo khoản 2 Điều 2 Luật trọng tài thương mại năm 2010, “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”. Do đó, tranh chấp về hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Trong thực tiễn thì tranh chấp hợp đồng bảo đảm. Phần trên đã cho thấy tranh chấp về biện pháp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng thường tập trung vào các biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận như bảo lãnh, cầm cố hay thế chấp. Ở tranh chấp này, bên nhận bảo đảm là Ngân hàng và Ngân hàng hoạt động thương mại nên tranh chấp hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài trên cơ sở quy định nêu trên. Thực tế, VIAC

đã từng thụ lý, giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh cũng hợp đồng bảo đảm bằng tài sản như cầm cố.

Do đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Tranh chấp cả hai loại hợp đồng. Thực tế đã gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm cũng như hợp đồng vay nhưng cũng gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm mà lại không tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tín dụng (tranh chấp này được giải quyết tại Tòa án).

Tại trọng tài, các tranh chấp trên hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài. Tuy nhiên, nếu để một trong hai loại tranh chấp trên được giải quyết bằng Trọng tài và tranh chấp còn lại bằng Tòa án sẽ dẫn tới khó khăn trong việc chờ đợi kết quả, không thống nhất trong hướng xử lý. Do đó, Ngân hàng nên theo hướng thỏa thuận cả tranh chấp vay tín dụng và tranh chấp về biện pháp bảo đảm bằng Trọng tài đã từng giải quyết (trong hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm, bên cho vay và bên vay cũng như bên bảo đảm cùng thỏa thuận chọn TTTT. Hướng này càng trở thành khả thi khi các TTTT ban hành quy tắc mới cho phép gộp các tranh chấp vào cùng một vụ việc.

*Thứ năm, Theo số liệu thống kê báo cáo của TTTTTM về vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng đang có chiều hướng giảm xuống.* Nguyên nhân cơ bản nhất của tình hình này là do sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu và sự chặt chẽ của các Tổ chức tín dụng khi cho vay. Thì số vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng ngày càng chiếm tỉ lệ ít đi trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Sự giảm xuống này một mặt phản ánh đúng thực trạng tranh chấp hiện nay rằng HĐTD ngày càng được áp dụng pháp luật chặt chẽ giảm thiểu khả năng phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, việc thống kê này cũng chưa đầy đủ, trong thực tế do các tổ chức tín dụng và khách hàng không đưa vụ việc tranh chấp ra TTTTTM mà tự thương lượng giải quyết nhằm giảm chi phí và thời gian kiện tụng, vừa giữ quan hệ tốt với nhau. Các tranh chấp nêu trên dù đơn giản hay phức tạp, dù giá trị tài sản nhỏ hay lớn đều để lại những hậu quả nhất định cho các đương sự và gây ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội.

### **2.2.2. Những vướng mắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại thông qua các trường hợp điển hình**

*Thứ nhất: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thì tranh chấp đòi nợ quá hạn và lãi suất là dạng tranh chấp phổ biến nhất tại TTTM.* Trên thực tế với những vụ án tranh chấp về gốc và lãi suất của TTTTTM Thủ Đức, khi xét xử TTTTTM Thủ Đức chỉ căn cứ chung vào thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của hai bên mà tuyên buộc bên vay phải trả nợ và lãi theo thỏa thuận ban đầu của hai bên. Do đó bên vay đã dựa việc quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự khi xảy ra tranh chấp mà hai bên không tự thỏa thuận được phần lãi suất vay để được áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm vay như hiện nay là điều kiện để bên vay lợi dụng phát sinh tranh chấp khi không còn khả năng thanh toán với Tổ chức tín dụng. Sự kiện này không phù hợp với chủ trương tự do thỏa thuận lãi suất cho vay mà Tổ chức tín dụng đang phấn đấu thực hiện và có thể vi phạm cơ chế lãi suất tự do thỏa thuận mà Chính phủ đã chỉ đạo các Tổ chức tín dụng thực hiện. Dưới đây là các vụ án điển hình:



*Vụ án 1: Tranh chấp hợp đồng tín dụng về phần gốc phải trả giữa các đương sự:*

*Vụ án 2: Tranh chấp hợp đồng tín dụng về phần lãi phải trả giữa các đương sự:*

*Thứ hai, việc áp dụng pháp luật khác có liên quan việc tổng đạt thông báo, văn bản của trọng tài để yêu cầu hủy quyết định của TTTM còn phổ biến.*

Tổ tụng trọng tài hiện hành quy định sau khi thụ lý vụ tranh chấp, trường hợp giải quyết bằng trọng tài quy chế thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện từ nguyên đơn, Trung tâm trọng tài có trách nhiệm gửi cho bị đơn bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản sao các tài liệu có liên quan, mục đích là thông báo cho bị đơn biết trọng tài đã nhận được đơn khởi kiện, lý do khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chọn trọng tài viên cho mình và thông báo cho Trung tâm trọng tài biết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và yêu cầu chọn trọng tài viên do Trung tâm trọng tài gửi đến, hoặc nếu không chọn được trọng tài viên cho mình thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định, trường hợp bị đơn không thực hiện quyền này thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn 30 ngày, Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định trọng tài viên cho bị đơn. Thực tế có những vụ tranh chấp khi diễn ra ở giai đoạn này đã gặp khó khăn trong việc áp dụng pháp luật khác có liên quan việc tổng đạt thông báo, văn bản của trọng tài. Một tranh chấp cụ thể được giải quyết tại chi nhánh VIAC tại thành phố Hồ Chí Minh. Từ thực tế trên cho thấy sự thiếu sót trong quy định của tổ tụng trọng tài về việc gửi văn bản, tài liệu, thông báo của trọng tài khi không quy định căn cứ Luật chuyên ngành (Luật Bưu chính) để xem xét cho việc xác định chứng cứ được khách quan và phù hợp với quy định của luật chuyên ngành, dẫn đến quyền lợi của một bên tranh chấp bị ảnh hưởng, phán quyết trọng tài cũng bị hủy vì căn cứ này.

### **2.2.3. Đánh giá về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay**

*Một là*, thể chế về tổ chức, hoạt động trọng tài mặc dù đã từng bước được hoàn thiện, tuy nhiên giữa quy định của pháp luật về trọng tài thương mại với quy định của một số lĩnh vực pháp luật khác vẫn chưa đồng bộ; một số nội dung còn chưa thống nhất; chưa có cơ chế hữu hiệu để giám sát việc hủy phán quyết trọng tài của cơ quan tòa án.

*Hai là*, số lượng trung tâm trọng tài ở nước ta được thành lập tương đối nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong khi đó, cơ sở vật chất của phần lớn các trung tâm trọng tài chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu để phục vụ cho hoạt động của các trọng tài viên; công tác quản lý, điều hành các hoạt động của một số Trung tâm còn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa hiệu quả.

*Ba là*, trọng tài thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mới hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Do đó, hiểu biết và nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, nhất là cộng đồng doanh nghiệp về phương thức giải quyết này vẫn còn chưa đầy đủ. Phần lớn doanh nghiệp của Việt Nam chưa có thói quen, niềm tin sử dụng trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp của mình và khả năng thực thi các phán quyết của trọng tài trong thực tế.

*Bốn là*, do các căn cứ pháp lý để hủy phán quyết trọng tài còn được hiểu chưa thống nhất nên tình trạng hủy phán quyết trọng tài trong thời gian qua với tỷ lệ còn cao. Bên cạnh đó, việc chậm thi hành phán quyết trọng tài; tỷ lệ đơn yêu cầu phán quyết trọng tài được thi hành trên thực tế chưa cao đã làm cho hoạt động trọng tài kém hấp dẫn.

*Năm là*, một số cơ quan quản lý nhà nước về trọng tài chưa phát huy hết trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương; công tác kiểm tra, thanh tra tổ chức, hoạt động của các trung tâm trọng tài đôi khi còn buông lỏng. Cơ chế phối hợp trong việc quản lý tổ chức, hoạt động trọng tài tại địa phương còn chưa được chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về lĩnh vực trọng tài thương mại còn mỏng, chưa được đào tạo bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

## **Tiểu kết chương 2**

Qua khảo sát thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài, tác giả trình bày về thẩm quyền giải quyết tranh chấp HĐTD của trọng tài, cũng như các điều kiện, thủ tục tiến hành thụ lý vụ tranh chấp HĐTD tại trọng tài, từ đó thấy được những hạn chế, bất cập của pháp luật trọng tài khi ứng dụng vào thực tiễn. Trong Chương 3, tác giả sẽ trình bày những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài.

## **CHƯƠNG 3**

### **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI HIỆN NAY**

#### **3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay**

*Thứ nhất: Xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.*

*Thứ hai: Xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.*

*Thứ ba: Xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc. Về chiến lược xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại, trong đó có đề ra nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động TTTM theo hướng: Tổ chức hệ thống*

TTTTTM xét xử độc lập, mở rộng hơn nữa đối tượng của cơ chế trọng tài thương mại Việt Nam. Quy định cụ thể, rõ ràng, thông thoáng đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của trọng tài nhằm thúc đẩy cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài.

*Thứ tư, tăng cường phát triển hoạt động của các luật sư theo hướng xã hội hoá và chuyên nghiệp hoá công tác luật sư.* Với số lượng luật sư còn ít như hiện nay, với tư tưởng chưa coi trọng vai trò Luật sư của các doanh nghiệp thì tranh chấp rất dễ phát sinh ngay từ khi ký kết hợp đồng. Do đó cần phải nâng cao vai của luật sư trong các hoạt động thương mại và vấn đề này cần được quy định thành luật cụ thể.

*Thứ năm, về vấn đề đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên cũng là một vấn đề nan giải.* Hiện nay vẫn chưa có những tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, vô tư, khách quan của trọng tài viên cho nên khi có sự vi phạm rất khó xác định.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay**

*Thứ nhất: Cần hoàn thiện quy định của pháp luật về lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng.*

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

- Khoản 5 điều 466 BLDS 2015 quy định: “a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Việc ban hành các quy định trên của Bộ luật dân sự năm 2015 sẽ góp phần hạn chế được sự tranh chấp về lãi suất trong hợp đồng, đồng thời ngăn chặn được khách hàng vay lợi dụng sự sơ hở về quy định lãi suất trong Bộ luật Dân sự 2005 mà cố tình chậm thanh toán nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, cùng với việc ban hành Bộ luật Dân sự mới đã sửa đổi về phần lãi suất, thì cần có thêm những quy định rõ về khái niệm các loại lãi suất, cách tính lãi suất để tránh các tổ chức tín dụng lách luật nghĩ ra các khoản phí, phụ phí khác để thu từ khách hàng khi việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng tín dụng quá hạn.

*Thứ hai: Các quy định pháp luật về đảm bảo thanh toán và xử lý tài sản đảm bảo cần phải chặt chẽ và có tính thống nhất.* Để hạn chế những vướng mắc của pháp luật về bảo đảm tiền vay, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo đảm tiền vay,

chế định đăng ký giao dịch bảo đảm cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề sau đây:

- Cần có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay với các bộ phận pháp luật khác có liên quan như pháp luật về sở hữu, pháp luật về đất đai, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp, pháp luật về thi hành án góp phần quan trọng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của TCTD. Đồng thời, cần có quy định cụ thể cho việc thi hành các bản án liên quan đến các TCTD tránh việc khách hàng bị lợi dụng kéo dài thời gian thi hành án.

- Khi sử lý tài sản bảo đảm thì việc định giá phải do tổ chức đánh giá chuyên nghiệp thực hiện, có thể là một cơ quan chuyên môn hay một tổ chức định giá hoạt động độc lập.

- Cần cải cách thủ tục công chứng, chứng thực về đăng ký giao dịch bảo đảm nhằm bảo đảm tính thống nhất đồng bộ để tránh tình trạng một tài sản được thế chấp ở nhiều TCTD.

- Cần quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân, Công an trong quá trình hỗ trợ tổ chức tín dụng thu hồi tài sản bảo đảm.

*Thứ ba: Các quy định về chủ thể của quan hệ thế chấp tài sản cần phải xác định rõ ràng.*

- Bộ luật dân sự cần xác định các tiêu chí để xác lập địa vị pháp lý của hộ gia đình xác lập các quyền về tài sản cho hộ gia đình đó. Tiêu chí nào để xác định đại diện chủ hộ và tiêu chí nào để xác định các thành viên trong hộ gia đình. Đối với Luật đất đai cần xác định tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp nào thì xác định là chung của cả hộ gia đình và riêng cho một thành viên trong hộ gia đình. Bên cạnh đó pháp luật cần bổ sung các quy định về quản lý đăng ký thành viên hộ gia đình (đăng ký lần đầu, thay đổi, chấm dứt) nhằm xác định tư cách thành viên hộ gia đình, qua đó tạo thuận lợi cho hộ gia đình khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

-Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trước đây là còn ghi là hộ gia đình nên quy định rõ trong trường hợp thế chấp này thì chỉ cần chủ hộ gia đình ký vào hợp đồng thế chấp và phải có sự đồng ý của những người trong hộ gia đình đó.

*Thứ ba, Bổ sung và hướng đến hoàn thiện các quy định của pháp luật để tạo sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tín dụng, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên. Sự bình đẳng của các chủ thể và lợi ích hài hòa của các bên tham gia quan hệ kinh tế trong kinh tế thị trường là điểm khác cơ bản so với các nền kinh tế khác. Mục đích mà các bên hướng tới trong giao dịch kinh tế nói chung, giao dịch tín dụng nói riêng là lợi ích của mỗi bên. Giải quyết không tốt bài toán lợi ích sẽ tạo nên tình trạng hoặc là một bên có lợi, hoặc là một nhóm có lợi ích hoặc là chỉ nhà nước có lợi ích. Như thế, sẽ làm tiệt tiêu động lực kinh tế của các bên giao kết tín dụng và cũng dễ dẫn đến vấn đề tham nhũng quyền lực, tham nhũng cơ chế.v.v..*

*Thứ tư, xác định rõ thẩm quyền của Tòa án trong việc xem xét quyết định của trọng tài. Về nguyên tắc, trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp độc lập với Tòa án, phán quyết của trọng tài là chung thẩm, Tòa án không có quyền can thiệp, trừ những trường hợp luật định, có nghĩa là sự can thiệp của Tòa án vào hoạt*

động tố tụng của trọng tài được hạn chế trong phạm vi luật định, sự can thiệp này là nhằm đảm bảo trật tự công cộng, thể hiện chức năng giám sát của một cơ quan tư pháp Nhà nước đối với một thể chế phi chính phủ như trọng tài, mục đích là nhằm hỗ trợ, nâng cao uy tín và vị thế của trọng tài. Vì thế LTTTM quy định hẳn Điều luật nhằm thừa nhận khả năng Tòa án dành cơ hội cho trọng tài được khắc phục các sai sót trong quá trình tố tụng nhằm tránh việc hủy các phán quyết trọng tài.

*Thứ năm, về quy định chủ thể khởi kiện:* pháp luật TTTM cần mở rộng hơn, bởi pháp luật đã thừa nhận trọng tài có thẩm quyền giải quyết đối với tranh chấp ít nhất một bên có mục đích dân sự, đây là tranh chấp mang bản chất dân sự, do đó chủ thể trong quan hệ dân sự cũng phải có quyền khởi kiện ra trọng tài ngoài việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính họ, thì họ cũng phải có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ thể khác; cho lợi ích công cộng nhà nước thông qua hoạt động KDTM mà họ tham gia xác lập, thực hiện, ví dụ như thành viên công ty khởi kiện vì quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, tất nhiên là giữa các bên tranh chấp phải có TTTT hợp pháp. *Thứ sáu, về quy định phí trọng tài:* phải có chế định về phương thức nộp và nhận phí trọng tài, mẫu biên lai thu phí phải có sự quản lý của cơ quan Nhà nước, nhằm phục cho việc tính thuế và thu thuế của Nhà nước, cũng như bảo đảm quyền lợi khấu trừ thuế trong một số trường hợp mà pháp luật quy định cho doanh nghiệp.

*Thứ bảy, về thời hạn thụ lý vụ tranh chấp:* Điều 32 của LTTTM cần quy định thời hạn “Thông báo đơn khởi kiện” phải phù hợp với tính chất nhanh gọn của phương thức trọng tài, LTTTM quy định thời hạn là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn thì trọng tài tiến hành thụ lý, tuy nhiên như đã phân tích ở trên có thể thấy tố tụng Tòa án có trường hợp quy định chỉ thụ lý trong thời hạn từ 08 đến 10 ngày.

### **3.3. Giải pháp tăng cường thực thi pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại hiện nay**

*Thứ nhất, tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các trọng tài viên nước ngoài và luật sư nước ngoài trong tố tụng trọng tài*

Hiện nay có 17 trọng tài viên nước ngoài đã được đăng ký trong danh sách trọng tài viên tại Bộ Tư Pháp không kể các TTV nước ngoài không có tên trong danh sách TTV của VIAC đã trực tiếp tham gia giải quyết tranh chấp tại VIAC theo sự lựa chọn của các bên tranh chấp. Cũng theo thống kê của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, số lượng các vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài chiếm khoảng 51% tổng số vụ việc được giải quyết tại trung tâm này. Hơn nữa, trong nhiều vụ việc, luật áp dụng để giải quyết tranh chấp HĐTD là pháp luật nước ngoài. Vì vậy, sự tham gia của các trọng tài viên nước ngoài và luật sư nước ngoài vào tố tụng trọng tài là điều thiết yếu.

Do đó, Bộ Tư pháp nên có các chính sách nhằm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các trọng tài viên nước ngoài và luật sư nước ngoài trong tố tụng trọng tài như: ban hành văn bản chính thức cho phép luật sư nước ngoài được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự tại trọng tài. Các trung tâm trọng tài cũng cần tích cực hơn nữa tuyên truyền và quảng bá

hình ảnh trung tâm của mình, tích cực tham gia các diễn đàn chuyên môn quốc tế, chủ động liên lạc với các trọng tài viên nước ngoài có danh tiếng để mời họ tham gia danh sách trọng tài viên của trung tâm. Đây là điều cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của trọng tài trong nước, tạo môi trường cạnh tranh và giúp cho các trọng tài viên và luật sư học hỏi kinh nghiệm của các đồng nghiệp nước ngoài.

*Thứ hai, tăng cường cơ chế quản lý và giám sát nội bộ việc xét xử tại các Tòa án thông qua báo cáo thường xuyên.* Tòa án tối cao cần tăng cường quản lý và giám sát việc xét xử tại các tòa án địa phương chặt chẽ hơn nữa thông qua việc yêu cầu báo cáo nội bộ thường xuyên. Việc các tòa án địa phương gửi báo cáo nội bộ mỗi 06 tháng hoặc mỗi quý sẽ giúp cho việc giám sát, quản lý này của Tòa án nhân dân tối cao diễn ra một cách liên tục và thường xuyên, Nhờ vậy tòa án nhân dân tối cao có thể dễ dàng nắm bắt được những khó khăn và bất cập trong hoạt động xét xử tại các tòa án địa phương. Từ đó, kịp thời đưa ra những chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp và đúng đắn. Mặt khác, Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án địa phương cũng có thể công khai số liệu và thông tin tổng hợp từ những báo cáo này trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để thúc đẩy sự minh bạch trong giải quyết các vụ việc liên quan đến trọng tài thương mại tại Tòa án.

*Thứ ba, cho phép công bố một phần phán quyết trọng tài nếu các bên tranh chấp không phản đối.*

Hiện nay, một số trung tâm trọng tài quốc tế danh tiếng trong khu vực như Trung tâm trọng tài quốc tế Hồng Kông (HKIAC) và Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) 25 đều cho phép công khai một phần, trích dẫn hoặc tóm tắt của phán quyết trọng tài đã lược bỏ tên của các bên tranh chấp nếu không có bên nào phản đối. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng xét xử tại các trung tâm trọng tài, tạo điều kiện để các trọng tài viên học hỏi lẫn nhau và phục vụ cho mục đích nghiên cứu các vấn đề pháp lý có liên quan. Hơn nữa, việc lược bỏ thông tin cá nhân của các bên tranh chấp và vẫn tôn trọng quyền quyết định của các bên về việc có công bố phán quyết trọng tài hay không sẽ vẫn đảm bảo được nguyên tắc về tính bảo mật của trọng tài quy định tại Điều 4.4 của Luật trọng tài thương mại.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong bối cảnh chung của quan hệ kinh tế quốc tế hiện nay, xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương mại đóng một vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế quốc gia phát triển mạnh.

Bên cạnh những lợi ích mà nó mang lại, đi cùng với đó là vô số những phức tạp nảy sinh từ mối quan hệ này. Lợi nhuận bao giờ cũng là mục tiêu hàng đầu mà các bên tham gia quan hệ quốc tế theo đuổi. Do đó, khi không thể tìm thấy điểm chung về lợi ích, tranh chấp tranh chấp hợp đồng tín dụng các bên tham gia vào quan hệ không mong muốn tranh chấp phát sinh và luôn muốn tránh phát sinh tranh chấp nên rất chú tâm vào việc phòng ngừa và tìm biện pháp thích hợp để loại bỏ tranh chấp.

Với tính chất nhanh chóng, mềm dẻo, linh hoạt, hiệu quả cũng như những ưu thế khác trong việc giải quyết tranh chấp xây dựng văn hóa pháp lý hình thành thói quen giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài thương

mại theo hướng cần nhanh gọn, chính xác và ít tốn kém, nên trọng tài ngày càng được các nhà kinh doanh trên thế giới quan tâm và sử dụng trong việc giải quyết tranh chấp.

### **KẾT LUẬN**

Quá trình hội nhập quốc tế đặt ra những nhiệm vụ nặng nề đối với ngành Tòa án Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp KDTM, trọng tài là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án mang lại hiệu quả cao nhất, có thể nói sự ra đời của trọng tài là nhằm chia sẻ và giảm nhẹ gánh nặng xét xử cho Tòa án. Là một thiết chế tài phán tư, trọng tài có những điểm khác biệt so với phương thức Tòa án, như thẩm quyền phát sinh khi có TTTT, khả năng giải quyết nhanh chóng, mềm dẻo, linh hoạt, không mất nhiều thời gian nên phương thức trọng tài ngày càng sự quan tâm của các nhà kinh doanh. Một trở ngại to lớn là sự quan tâm này không đồng nghĩa sự am hiểu pháp luật trọng tài, dẫn đến phương thức giải quyết tranh chấp KDTM bằng trọng tài tồn tại trên thực tế chỉ mang tính hình thức, phương thức này chưa thực sự phát triển và lan tỏa ở Việt Nam. Trong nền kinh tế thị trường, với mục tiêu xây dựng một mô hình tài phán hiệu quả, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp của các nhà kinh doanh, nên việc nghiên cứu những vấn đề lý thuyết và thực tiễn giải quyết tranh chấp KDTM bằng trọng tài trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, bằng việc kiểm tra - đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trọng tài, chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật hiện hành, để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hơn thiện hơn pháp luật trọng tài Việt Nam.